

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST

Ngày 12-01-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Hiệp;

Ông Nguyễn Văn Thành.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị N, sinh năm 1989. Căn cước công dân số 020189002235; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn T, sinh năm 1984. Căn cước công dân số 020084001949; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Vi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị N và anh Vi Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là xã Đ), tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2009, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương vào năm 2009. Năm 2022 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh Vi Văn T thường xuyên uống rượu về chửi chị, chị đã khuyên bảo nhưng không được,

đến tháng 7/2025 anh Vi Văn T đuổi chị ra khỏi nhà, từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã động viên, hàn gắn nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị Vi Thị N xác định tình cảm vợ chồng với anh Vi Văn T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung là Vi Đức A, sinh ngày 28/11/2009 và Vi Mạnh C, sinh ngày 30/9/2012, hiện nay các con đang ở cùng anh Vi Văn T tại thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Vi Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị Vi Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng/con. Chị Vi Thị N đi làm công ty, lương khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Anh Vi Văn T ở nhà làm ruộng, thu nhập hàng tháng chị không nắm được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Vi Thị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin giải quyết xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã tiến hành tổng họp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án xét xử nhưng bị đơn anh Vi Văn T không tham gia tố tụng, bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nhưng không cung cấp bản khai về các vấn đề liên quan đến vụ án.

Tại đơn trình bày ngày 16/12/2025, ông Phạm Văn Y - P, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Ông không nắm được mâu thuẫn vợ chồng của chị Vi Thị N và anh Vi Văn T, ông cũng hỏi gia đình và hàng xóm xung quanh cũng không ai nắm được, nhưng mọi người nắm được là chị Vi Thị N đã không sống cùng với anh Vi Văn T và các con khoảng nửa năm nay.

Tại đơn trình bày của cháu Vi Đức A, sinh ngày 28/11/2009 và Vi Mạnh C, sinh ngày 30/9/2012 đều có nguyện vọng được sống cùng với bố nếu trường hợp bố mẹ ly hôn vì các cháu vẫn được bố là anh Vi Văn T chăm sóc và đưa đón đi học đầy đủ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy: Chị Vi Thị N kết hôn với anh Vi Văn T trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là xã Đ), tỉnh Lạng Sơn vào ngày 22/4/2009 đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ

chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Vi Văn T thường xuyên uống rượu về chửi chị Vi Thị T1, chị Vi Thị T1 đã khuyên bảo nhưng không được, đến tháng 7/2025 anh Vi Văn T đuổi chị ra khỏi nhà, từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau. Anh Vi Văn T đã nhận được thông tin yêu cầu ly hôn chị Vi Thị N, đã có ý kiến thông qua ông Phạm Văn Y là phó thôn là không ký giấy tờ gì và cũng không làm gì. Xét thấy tình trạng hôn nhân của giữa chị Vi Thị N và anh Vi Văn T có nhiều mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Vi Thị N được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về nuôi con chung: Chị Vi Thị N và anh Vi Văn T có 02 con chung là Vi Đức A, sinh ngày 28/11/2009 và Vi Mạnh C, sinh ngày 30/9/2012. Khi ly hôn chị Vi Thị N yêu cầu anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung đến khi con đủ 18 tuổi và chị Vi Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy các cháu hiện nay đang sống cùng anh Vi Văn T, vẫn được anh Vi Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc bảo đảm, bản thân các cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với anh Vi Văn T. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị giao 02 cháu cho anh Vi Văn T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi cháu 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị Vi Thị N tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung không có, do vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Toà án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vi Văn T, đăng ký thường trú và chỗ ở tại thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị N và anh Vi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là xã Đ), tỉnh Lạng Sơn vào ngày 22/4/2009, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo

vệ. Xác định từ tháng 7/2025 chị Vi Thị N đã không chung sống cùng nhà với anh Vi Văn T, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau. Anh Vi Văn T đã nhận được thông tin yêu cầu ly hôn chị Vi Thị N, đã có ý kiến thông qua ông Phạm Văn Y là phó thôn về việc anh không ký giấy tờ gì và cũng không làm gì và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, thể hiện anh Vi Văn T cũng không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Vi Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Vi Thị N và anh Vi Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị N là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Vi Thị N và anh Vi Văn T có 02 con chung là Vi Đức A, sinh ngày 28/11/2009 và Vi Mạnh C, sinh ngày 30/9/2012. Khi ly hôn chị Vi Thị N yêu cầu anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung đến khi con đủ 18 tuổi và chị Vi Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy các cháu hiện nay đang sống cùng anh Vi Văn T vẫn được anh Vi Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc bảo đảm, bản thân các cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với anh Vi Văn T. Do vậy, để bảo đảm sự phát triển toàn diện cho trẻ em và theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh Vi Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; chị Vi Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hằng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu đồng) cho mỗi con từ tháng 02/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trường hợp chị Vi Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất theo quy định. Chị Vi Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Vi Thị N thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị N được ly hôn với anh Vi Văn T.

(Đăng ký kết hôn số 13, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 22/4/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là xã Đ), tỉnh Lạng Sơn)

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Vi Đức A, sinh ngày 28/11/2009 và Vi Mạnh C, sinh ngày 30/9/2012 cho anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hằng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi con từ tháng 02/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Vi Thị N thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án, người phải thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Vi Thị N phải nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Vi Thị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000947 ngày 17/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Chị Vi Thị N phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Đình Lập, tỉnh Lạng
Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

Nguyễn Thị Tuyết Mai